TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn và ông Phan Văn Việt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 19/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST- QĐ ngày 05/7/2024, đối với bị cáo:

Phan Thanh T, sinh ngày 26/11/1987; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Thanh S, sinh năm 1960 và bà Lê Thị N, sinh năm 1964; có vợ Lê Thị Kim D, sinh năm 1986 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; vợ Phạm Thị V, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/10/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 08 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; ngày 25/8/2015 bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác; ngày 17/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Gây rối trật tự công cộng; ngày 04/11/2005 bị Công an thuyện Lệ Thủy xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; ngày 01/3/2020 bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 5.000.000 đồng về hành vi mua bán hàng cấm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" từ ngày 21/12/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Công T, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

2. Dương Công Á, sinh năm 1977, địa chỉ: địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

3. Trần Tuấn A, sinh năm 1992, địa chỉ: địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

4. Trần Hữu L, sinh năm1986, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

5. Dương Thị T, sinh năm1971, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

6. Phạm Văn S, sinh năm1979, địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

7. Nguyễn Ngọc L, sinh năm1984, địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

8. Đào Hữu L, sinh năm1981, địa chỉ: địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

9. Trần Ngọc L, sinh năm1989, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

10. Đoàn Công Q, sinh năm1984, địa chỉ: địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

11. Trương Văn S, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

12. Lê Xuân H, sinh năm1991, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

13. Phan Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

14. Phạm Thị Hoài T, sinh năm1982, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

15. Nguyễn Thị G, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

16. Võ Thanh V, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

17. Trần Văn T, sinh năm1978, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

18. Lê Văn Q, sinh năm1966, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

19. Võ Thị H, sinh năm1966, địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

20. Hoàng Thị H, sinh năm1974, địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

21. Đào Hữu Đ, sinh năm1985, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

22. Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

23. Trương Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

24. Phan Văn Q, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

25. Phạm Hồng T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

26. Bùi Văn Q, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

27. Võ Thị X, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

28. Lê Văn Đ, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

29. Thái Thị L, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

30. Phạm Thị V, sinh năm1989, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

31. Lê Thị N, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

32. Trương Văn N, sinh năm1986, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau; Phan Thanh T đã cho 29 người trên địa bàn huyện Lệ Thủy vay tiền như sau:

1. Ngày 11/8/2022, Phan Thanh T cho Dương Công T (Cu T) sinh năm 1999, trú tại Xóm 6, thôn T, xã L vay số tiền 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Theo hình thức vay tín chấp, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 06nghìn đồng/01triệu/01ngày. Thời hạn vay 120 ngày. Đến ngày 11/12/2022, Trường đã trả lãi 120 ngày cho T với số tiền 3.200.000đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 219%/năm, cao gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 295.890đồng (hai trăm chín lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 2.944.110đồng (Hai triệu chín trăm bốn bốn nghìn, một trăm mười đồng). Trường đã trả tiền gốc cho T.

Ngày 14/12/2022, T tiếp tục cho T vay số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Theo hình thức vay tín chấp, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 06nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 07 ngày. Đến ngày 20/12/2022, T đã trả lãi 07 ngày cho T với số tiền 126.000đồng (một trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 219%/năm, cao gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được thu theo mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định là 11.507đồng (mười một nghìn năm trăm linh bảy đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 114.493 đồng (một trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín ba đồng). T đã trả tiền gốc cho T.

2. Ngày 24/11/2022, Phan Thanh T cho Dương Công Á, sinh năm 1977 trú tại xóm 7, T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01 ngày, thời hạn vay là 30 ngày. Á đã trả tiền gốc và tiền lãi đủ 30 ngày cho T là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó có

10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc và 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 164.384đồng (một trăm sáu bốn nghìn ba trăm tám bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền là 1.335.616đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

3. Ngày 27/3/2023, Phan Thanh T cho Trần Tuấn A (Heo), sinh năm 1992, trú tại Đội 3, thôn T, xã Lộc T vay số tiền 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng). Theo hình thức vay tín chấp, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 120 ngày. Đến ngày 26/7/2023, Tuấn A trả tiền lãi cho T 120 ngày với số tiền là 8.400.000đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 920.548 đồng (chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 7.479.452đồng (bảy triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng).

Ngày 01/8/2003, Thành cho Trần Tuấn A vay thêm 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 35 ngày. Tuấn A đã trả tiền lãi 35 ngày cho T với số tiền 525.000đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 57.534đồng (năm mươi bảy nghìn năm trăm ba bốn đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 467.466đồng (bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm sáu sáu đồng).

Ngày 15/8/2003, Thành cho Trần Tuấn A vay thêm 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05 nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 23 ngày. Tuấn Anh đã trả tiền lãi 23 ngày cho T với số tiền 575.000đồng (năm trăm bảy mươi lăm nghìn). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 63.014đồng (sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 511.986đồng (năm trăm mười một nghìn chín trăm tám sáu đồng). Tổng tiền gốc Phan Thanh T cho Trần Tuấn A vay số tiền là 22.000.000đồng (hai mươi hai triệu đồng). Trần Tuấn A chưa trả cho T.

4. Ngày 08/4/2023, Phan Thanh T cho Trần Hữu L (Cu e) sinh năm 1986 trú tại Xóm 7, thôn T, xã L vay số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Đến ngày 06/6/2023, L trả lãi 60 ngày cho T với số tiền 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 394.521đồng (ba trăm chín bốn nghìn năm trăm hai mốt đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 3.205.479đồng (ba triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng).Tiền gốc L đã trả cho T.

Ngày 07/7/2023, T tiếp tục cho Trần Hữu L vay số tiền 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 120 ngày. Đến 07/11/2023, anh L trả tiền lãi 120 ngày cho T với số tiền 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 394.521đồng (ba trăm chín bốn nghìn năm trăm hai mốt đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 3.205.479đồng (ba triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng). Tiền gốc L chưa trả cho T.

Ngày 19/7/2023, T cho Trần Hữu L vay thêm số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 120 ngày. Đến ngày 19/11/2023 L trả lãi 120 ngày tương ứng với số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 328.767đồng (ba trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mốt nghìn hai trăm ba ba đồng). Tiền gốc L chưa trả cho T.

5. Ngày 16/4/2023, Phan Thanh T cho chị Dương Thị T, sinh năm 1971 trú tại Xóm 7, thôn T, xã L vay số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 60 ngày. Chị T đã trả lãi đủ 60 ngày cho T với số tiền 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 394.521đồng (ba trăm chín bốn nghìn năm trăm hai mốt đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 3.205.479đồng (ba triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng).

Chị Thu đã trả tiền gốc cho T 8.000.000đồng (tám triệu đồng). Còn nợ lại 4.000.000đồng (bốn triệu đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01 triệu/01ngày, thời hạn vay 150 ngày. Chị T đã trả lãi đủ 150 ngày cho Thành với số tiền 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 328.767đồng (ba trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 2.671.233đồng (hai triệu sáu trăm bảy mốt nghìn hai trăm ba ba đồng). Chị T còn nợ tiền gốc của T 4.000.000đồng (bốn triệu đồng).

6. Ngày 25/5/2023, Phan Thanh T cho anh Phạm Văn S, sinh năm 1979 trú tại thôn A, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 04nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 90 ngày. Anh S đã trả tiền lãi đủ 90 ngày cho T với số tiền là 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là

246.575đồng (hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy lăm đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 1.553.425đồng (một triệu năm trăm năm ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng). Tiền gốc anh S đã trả cho T.

7. Ngày 26/6/2023, Phan Thanh T cho anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984, trú tại Thôn 2 T, xã T vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Anh L đã trả tiền lãi đủ 60 ngày cho T với số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 164.384 đồng (một trăm sáu bốn nghìn ba trăm tám bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 1.335.616đồng (một triệu ba trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Tiền gốc anh L đã trả cho T.

8. Ngày 06/7/2023, Phan Thanh T cho anh Đào Hữu L, sinh năm 1981 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 16 ngày. Anh L đã trả tiền lãi đủ 16 ngày cho T với số tiền là 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 43.836đồng (bốn ba nghìn tám trăm ba sáu đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 356.164đồng (ba trăm năm sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng). Tiền gốc anh L đã trả cho T.

Ngày 01/8/2023, anh L tiếp tục vay T số tiền 8.500.000đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 04nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 150 ngày. Anh L đã trả tiền lãi đủ 150 ngày cho Thành với số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 698.630đồng (sáu trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 4.301.370đồng (bốn triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Tiền gốc anh L chưa trả cho T.

9. Ngày 12/7/2023, Phan Thanh T cho anh Trần Ngọc L, sinh năm 1989 trú tại thôn T, xã A vay số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 3,5triệu đồng/30ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Anh L đã trả tiền lãi đủ 60 ngày cho T với số tiền là 7.000.000đồng (bảy triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 354,9%/năm, cao gấp 17,745 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 394.520đồng (ba trăm chín bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 6.605.479đồng (sáu triệu sáu trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng). Tiền gốc anh L đã trả cho T.

10. Ngày 13/7/2023, Phan Thanh T cho anh Đoàn Công Q, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày,

thời hạn vay là 120 ngày. Anh Q đã trả tiền lãi cho T đủ 120 ngày với số tiền là 6.000.000đồng (sáu triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 657.534đồng (sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba bốn đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 5.342.465đồng (năm triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu lăm đồng). Tiền gốc anh Q chưa trả cho T.

11. Ngày 16/7/2023, Phan Thanh T cho Trương Văn S, sinh năm 1997 trú tại Xóm 7, thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Theo hình thức vay tín chấp, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay 22 ngày. Đến 08/8/2023, S trả tiền lãi 22 ngày tương ứng với số tiền 1.100.000đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 120.548đồng (một trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 979.452đồng (chín trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng). Sỹ đã trả tiền gốc 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) và nợ Thành số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Do quen biết nên nhiều lần S mượn tiền T đến ngày 23/9/2023 là 13.000.000đồng (mười ba triệu đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay 25 ngày. S trả tiền lãi cho T 25 ngày tương ứng với số tiền 1.625.000đồng (một triệu sáu trăm hai lăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 178.082đồng (một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám hai đồng). Số tiền lãi T thu lợi bất chính là 1.446.918 đồng (một triệu bốn trăm bốn sáu nghìn chín trăm mười tám đồng). S chưa trả tiền gốc cho T. Đến tháng 11/2023, S mượn T số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Hiện S đang nợ Thành số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng).

12. Ngày 17/7/2023, Phan Thanh T cho anh Lê Xuân H, sinh năm 1991 trú tại thôn T, xã T vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 90 ngày. Anh H đã trả tiền lãi đủ 90 ngày cho T với số tiền là 2.250.000đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 246.575đồng (hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy lăm đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 2.003.425đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng). Tiền gốc anh H đã trả cho T.

13. Ngày 19/7/2023, Phan Thanh T cho anh Phan Văn P, sinh năm 1976 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 06nghìn đồng/01 triệu/01ngày, thời hạn vay là 80 ngày. Anh P đã trả tiền lãi đủ 80 ngày cho T với số tiền là 2.400.000đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 219%/năm, cao gấp 10,95 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự

là 219.178đồng (hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy tám đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 2.180.822đồng (hai triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng). Tiền gốc anh P chưa trả cho T.

14. Ngày 21/7/2023, Phan Thanh T cho chị Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1982 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 120 ngày. Chị T đã trả tiền lãi đủ 120 ngày cho T với số tiền là 6.000.000đồng (sáu triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 657.534đồng (sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 5.342.466đồng (năm triệu ba trăm bốn hai nghìn, bốn trăm sáu sáu đồng). Tiền gốc chị T chưa trả cho T.

15. Ngày 28/7/2023, Phan Thanh T cho chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1978 ở Xóm 5, thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay là 90 ngày. Chị G đã trả tiền lãi 90 ngày tương ứng với số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 493.151đồng (bốn trăm chín ba nghìn một trăm năm mốt đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.006.849 đồng (bốn triệu không trăm không sáu nghìn tám trăm bốn chín đồng). Tiền gốc chị G chưa trả cho T.

16. Ngày 28/7/2023, Phan Thanh T cho chị Võ Thanh V, sinh năm 1979 ở thôn T, xã L, hiện nay đã chuyển về ở tại TDP11, phường B, thành phố Đ vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 04nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 90 ngày. Chị V đã trả tiền lãi cho T đủ 90 ngày với số tiền là 3.600.000đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 493.150đồng (bốn trăm chín ba nghìn một trăm năm mươi đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.106.849 đồng (ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn chín đồng). Tiền gốc chị V chưa trả cho T.

17. Ngày 31/7/2023, Phan Thanh T cho anh Trần Văn T, sinh năm 1978 trú tại thôn T, xã A vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 06nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 45 ngày. Anh T đã trả tiền lãi đủ 45 ngày cho T với số tiền là 1.350.000đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 219%/năm, cao gấp 10,95 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 123.287đồng (một trăm hai ba nghìn hai trăm tám bảy đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.226.712đồng (một triệu hai trăm hai sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Tiền gốc anh T đã trả cho T.

18. Ngày 31/7/2023, Phan Thanh T cho anh Lê Văn Q, sinh năm 1966, trú tại thôn T, xã vay số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng), theo hình thức

vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 04nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 150 ngày. Anh Q đã trả tiền lãi đủ 150 ngày cho T với số tiền là 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 2.465.753đồng (hai triệu bốn trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.534.246đồng (mười lăm triệu năm trăm ba bốn nghìn hai trăm bốn sáu đồng). Tiền gốc anh Q chưa trả cho T.

19. Ngày 03/8/2023, Phan Thanh T cho chị Võ Thị H, sinh năm 1966 trú tại thôn A, xã L vay số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay 90 ngày. Chị H đã trả tiền lãi đủ 90 ngày cho T với số tiền 5.400.000đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 591.780đồng (năm trăm chín mốt nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền là 4.808.220đồng (bốn triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm hai mươi đồng). Tiền gốc chị H chưa trả cho T.

20. Ngày 08/8/2023, Phan Thanh T cho chị Hoàng Thị H, sinh năm 1974, trú tại Đội 3, thôn Đ, xã P vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 03nghìn đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay 120 ngày. Chị H đã trả tiền lãi đủ 120 ngày cho T với số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 657.534đồng (sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 3.342.466đồng (ba triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng). Tiền gốc chị H chưa trả cho T.

21. Ngày 08/8/2023, Phan Thanh T cho anh Đào Hữu Đ sinh năm 1985 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Anh Đ đã trả tiền lãi đủ 60 ngày cho T với số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 164.384đồng (một trăm sáu bốn nghìn, ba trăm tám bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 1.335.616đồng (một triệu ba trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Tiền gốc anh Đ chưa trả cho T.

22. Ngày 05/9/2023, Phan Thanh T cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã L vay số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 50 ngày. Chị H đã trả tiền lãi cho T đủ 50 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 547.945đồng (năm trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng). Phan

Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 4.452.055đồng (bốn triệu, bốn trăm năm hai nghìn không trăm năm lăm đồng). Tiền gốc chị H chưa trả cho T.

23. Ngày 11/9/2023, Phan Thanh T cho chị Trương Thị H, sinh năm 1974 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Chị H đã trả tiền lãi đủ 60 ngày cho T với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 328.767đồng (ba trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 2.671.233đồng (hai triệu sáu trăm bảy mốt nghìn hai trăm ba ba đồng). Tiền gốc chị H chưa trả cho T.

24. Ngày 16/9/2023, Phan Thanh T cho Phan Văn Q, sinh năm 1993 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 03nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 77 ngày. Anh Q đã trả tiền lãi cho T đủ 77 ngày với số tiền là 6.900.000đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, cao gấp 5,47 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.265.753đồng (một triệu hai trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 5.634.247đồng (năm triệu sáu trăm ba bốn nghìn hai trăm bốn bảy đồng). Tiền gốc anh Q đã trả cho T.

25. Tháng 9/2023, Phan Thanh T cho Phạm Hồng T (T đen) sinh năm 1985 trú tại thôn M, xã C vay số tiền 58.500.000đồng (năm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), theo hình thức vay tín chấp, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 07triệu đồng/01 tháng, thời hạn vay 02 tháng (60 ngày). T đã trả tiền lãi cho T 02tháng (60 ngày) với số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 145,6%/năm, cao gấp 7,28 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.923.288 đồng (một triệu chín trăm hai ba nghìn hai trăm tám tám đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 12.076.712đồng (mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Tiền gốc T chưa trả cho T.

26. Ngày 19/9/2023, Phan Thanh T cho anh Bùi Văn Q, sinh năm 2003 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 60 ngày. Anh Q đã trả tiền lãi cho T đủ 60 ngày với số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 164.383đồng (một trăm sáu bốn nghìn ba trăm tám ba đồng). Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616đồng (một triệu ba trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Tiền gốc anh Q chưa trả cho T.

27. Ngày 03/10/2023, Phan Thanh T cho chị Võ Thị X, sinh năm 1986 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời

hạn vay là 30 ngày. Chị X đã trả tiền lãi đủ 30 ngày cho T với số tiền là 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 82.192đồng (tám hai nghìn một trăm chín hai đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 667.808đồng (sáu trăm sáy bảy nghìn tám trăm linh tám đồng). Tiền gốc chị X đã trả cho T.

28. Ngày 07/10/2023, Phan Thanh T cho anh Lê Văn Đ, sinh năm 2001 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01ngày, thời hạn vay là 30 ngày. Anh đã trả tiền lãi đủ 30 ngày cho T với số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 164.384đồng (một trăm sáu bốn nghìn, ba trăm tám bốn đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 1.335.616đồng (một triệu ba trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Tiền gốc anh Đ đã trả cho T.

29. Ngày 25/9/2023, Phan Thanh T cho chị Thái Thị L, sinh năm 1985 trú tại thôn T, xã L vay số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng), theo hình thức vay tín chấp. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 05nghìn đồng/01triệu/01 ngày, thời hạn vay là 15 ngày. Chị L đã trả tiền lãi đủ 15 ngày cho T tương ứng với số tiền là 2.250.000đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tương ứng với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 246.575đồng (hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy lăm đồng). Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 2.003.425đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng). Tiền gốc chi L đã trả cho T.

Việc tạm giữ, thu giữ và xử lý vật chứng: Ngày 21/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phan Thanh T. Quá trình khám xét khẩn cấp đã tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro max, màu vàng, số máy MQ9R3VN/A, số seri: FFRWQPWXQF, số IMEI 1: 358034169234579, số IMEI 2: 358034169928931, máy lắp sim số: 0833757555, đã qua sử dụng; 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành, bao gồm 100 (một trăm) tờ tiền có mệnh giá 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng); 01 (một) quyển sổ tay tự làm kích thước (10 x 07)cm của Phan Thanh Thành bên trong có chứa những nội dung liên quan đến những người vay tiền và có chữ ký xác nhận của Phan Thanh T tại thời điểm khám xét, tạm giữ; 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 24/11/2022, tên người mượn tiền Dương Công Á, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2023, tên người mượn tiền Dương Thị T, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 08/8/2023, tên người mượn tiền Hoàng Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 03/8/2023, tên người mượn tiềnVõ Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Ngày 30/01/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro max, màu vàng, đã qua sử dụng; 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành, bao gồm 100 (một trăm) tờ tiền có mệnh giá 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) cho Phan Thanh T. Riêng những giấy tờ còn lại lưu trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật

Ngày 02/5/2024, bị cáo Phan Thanh Thành đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) số tiền thu lợi bất chính tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSLT ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa, giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh Thành phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo; đề nghị: Xử phạt bị cáo Phan Thanh T từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 36 tháng; Về hình phạt bổ sung: Hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo Phan Thanh Thành từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ; Về vật chứng: Tịch thu tài liệu 01 (một) quyển sổ tay tự làm kích thước (10 x 07)cm; 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 24/11/2022; 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2023; 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 08/8/2023; 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 03/8/2023 là tài liệu chứng cứ được lưu giữ hồ sơ vụ án; Về biện pháp tư pháp: Tịch thu toàn bộ số tiền bị cáo Phan Thanh Thành sử dụng vào việc phạm tội bao gồm tiền gốc và tiền lãi bị cáo đã dùng vào việc cho vay; riêng phần tiền lãi vượt mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì cần trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối với các hợp đồng đang thực hiện cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay còn lại chưa thanh toán cho bị cáo Phan Thanh Thành; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 10 năm 2023, Phan Thanh T đã cho 29 người vay tiền trên địa bàn huyện Lệ Thủy dưới hình thức vay tín chấp (tiền lãi hai bên tự thỏa thuận) tổng số tiền cho vay 415.5000.000 đồng, với mức lãi xuất cho vay từ 109,5%/năm đến 354,9%/năm, cao gấp 5,475 lần đến 17,745 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, số tiền lãi được thu theo mức cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là (20%/năm), Phan Thanh T đã thu lợi bất chính số tiền 123.397.301 đồng. Do đó, hành vi của Phan Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo với tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Bị cáo nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ Luật dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng xét về nhân thân: Ngày 08/10/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 08 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; ngày 25/8/2015 bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác; ngày 17/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Gây rối trật tự công cộng; ngày 04/11/2005 bị Công an thuyện Lệ Thủy xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; ngày 01/3/2020 bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 5.000.000 đồng về hành vi mua bán hàng cấm, do đó bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, phải có một mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả (đã nộp một phần tiền thu lời bất chính); có thành tích trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 và lũ lụt 2020 được chính quyền địa phương xác nhận; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Phan Thanh Sáo đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở chiến trường Lào được Bộ tham mưu Quân khu 4 chứng nhận khen thưởng Huy hiệu "Vì nghĩa vụ Quốc tế"; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền cơ sở, chưa cần thiết phải cách ly ra ngoài xã hội, không cần bắt phải chấp hành hình phạt tù,

cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo là người hưởng lợi từ việc cho vay nên cần phạt bổ sung là phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo Phan Thanh T cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay được xác định tiền sử dụng vào việc phạm tội cần buộc bị cáo Phan Thanh T phải nộp 156.500.000 đồng tiền gốc và khoản tiền thu lợi từ việc cho vay là 16.693.699 đồng tiền lãi.

Đối với các hợp đồng đang thực hiện cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay còn lại chưa thanh toán cho bị cáo Phan Thanh T cụ thể là: Anh Trần Tuấn A phải nộp 22.000.000 đồng; Anh Trần Hữu L 11.000.000 đồng; Chị Dương Thị T phải nộp số tiền 4.000.000 đồng; Anh Đào Hữu L phải nộp số tiền 8.500.000 đồng; Anh Đoàn Công Q phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Trương Văn S phải nộp số tiền 13.000.000 đồng; Anh Phan Văn P phải nộp số tiền 5.000.000 đồng; Chị Phạm Thị Hoài T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị G phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Chị Võ Thanh V phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Trần Văn T phải nộp số tiền 5.000.000 đồng; Anh Lê Văn Q phải nộp số tiền 30.000.000 đồng; Chị Võ Thị H phải nộp số tiền 12.000.000 đồng; Chị Hoàng Thị H phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Đào Hữu Đ phải nộp số tiền 5.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 20.000.000 đồng; Chị Trương Thị H phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Phạm Hồng T (T Đen) phải nộp số tiền 58.500.000 đồng; Anh Bùi Văn Q phải nộp số tiền 5.000.000 đồng;

Đối với số tiền 123.397.301 đồng (một trăm trăm hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh một đồng) thu lời bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà bị cáo cho vay, buộc bị cáo Phan Thanh T phải hoàn trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị H 4.452.054,79 đồng; Phan Văn Q 5.634.246,58 đồng; Phan Văn P 2.180.821,92 đồng; Trương Thị H 2.671.232,88 đồng; Lê Văn Đ 1.335.616,44 đồng; Đào Hữu L 356.164,38 đồng + 4.301.369,86 đồng; Võ Thị X 667.808,22 đồng; Phạm Văn S 1.553.424,66 đồng; Thái Thị 2.003.424,66 đồng; Lê Xuân H 2.003.424,66 đồng; Hoàng Thị H 3.342.465,75 đồng; Đào Hữu Đ 1.335.616,44 đồng; Phạm Thị Hoài T 5.342.465,75 đồng; Nguyễn Ngọc L 1.335.616,44 đồng; Dương Công Á 1.335.616,44 đồng; Võ Thị H 4.808.219,18 đồng; Dương Thị T 3.205.479,45 đồng +3.271.232,88 đồng; Phạm Hồng T 12.076.712,33 đồng; Trương Văn S 979.452,05 đồng + 1.446.917,81 đồng; Nguyễn Thị G 4.006.849,32 đồng; Trần Hữu L 3.205.479,45 đồng + 3.205.479,45 đồng + 2.671.232,88 đồng; Trần Tuấn A 7.479.452,05 đồng + 467.465,75 đồng + 511.986,30 đồng; Dương Công T 2.944.109,59 đồng + 114.493,15 đồng; Bùi Văn Q 1.335.616,44 đồng; Võ Thị Thanh V 3.106.849,32 đồng; Trần Ngọc L 6.605.479,45 đồng; Trần Văn T 1.226.712,33 đồng; Lê Văn

Q 15.534.246,58 đồng; Đoàn Công Q 5.342.465,75 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. .

[7] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng tạm giữ để điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho người chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật, không ai có ý kiến, khiếu nại gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng 01 (một) quyển sổ tay tự làm kích thước (10x07)cm của Phan Thanh T bên trong có chứa những nội dung liên quan đến những người vay tiền và có chữ ký xác nhận của Phan Thanh Thành tại thời điểm khám xét, tạm giữ; 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 24/11/2022, tên người mượn tiền Dương Công Á, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2023, tên người mượn tiền: Dương Thị T, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 08/8/2023, tên người mượn tiền Hoàng Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 03/8/2023, tên người mượn tiền Võ Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) là tài liệu vụ án cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh Thành phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2024).

Giao bị cáo Phan Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo Phan Thanh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Q trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phan Thanh Th phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Phan Thanh T phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã cho vay là 156.500.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) và 16.693.699 đồng (mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng) tiền lãi, nhưng được trừ số tiền 20.000.000 đồng mà Phan Thanh T đã nộp tại biên lai số 0004287 ngày 02/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, số tiền còn lại bị cáo phải nộp tiếp.

Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu lợi bất chính là 123.397.301 đồng (một trăm trăm hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh một đồng), cụ thể: Nguyễn Thị H 4.452.054,79 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi bốn phẩy bảy mươi chín đồng); Phan Văn Q 5.634.246,58 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu phẩy năm mươi tám đồng); Phan Văn P 2.180.821,92 đồng (hai triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi mốt phẩy chín hai đồng); Trương Thị H 2.671.232,88 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai phẩy tám tám đồng); Lê Văn Đạt 1.335.616,44 đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy bốn bốn đồng); Đào Hữu L 4.657.534,24 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn phẩy hai bốn đồng); Võ Thị X 667.808,22 đồng (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám phẩy hai hai đồng); Phạm Văn S 1.553.424,66 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy sáu sáu đồng); Thái Thị L 2.003.424,66 đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy sáu sáu đồng); Lê Xuân H 2.003.424,66 đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy sáu sáu đồng); Hoàng Thị H 3.342.465,75 đồng (ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm phẩy bảy lăm đồng); Đào Hữu Đ 1.335.616,44 đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy bốn bốn đồng); Phạm Thị Hoài T 5.342.465,75 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu lăm phẩy bảy lăm đồng); Nguyễn Ngọc L 1.335.616,44 đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy bốn bốn đồng); Dương Công Á 1.335.616,44 đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy bốn bốn đồng); Võ Thị H 4.808.219,18 đồng (bốn triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín phẩy mười tám đồng); Dương Thị T 6.476.712,33 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba ba đồng); Phạm Hồng T 12.076.712,33 đồng (mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba ba đồng); Trương Văn S 2.426.369,86 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi chín phẩy tám sáu đồng); Nguyễn Thị G 4.006.849,32 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín phẩy ba hai đồng); Trần Hữu L 9.082.191,78 đồng (chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt phẩy bảy tám đồng); Trần Tuấn A 8.458.904,1 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh bốn phẩy một đồng; Dương Công T 3.058.602,74 đồng (ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh hai phẩy bảy bốn

đồng); Bùi Văn Q 1.335.616,44 đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu phẩy bốn bốn đồng); Võ Thị Thanh V 3.106.849,32 đồng (ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín phẩy ba hai đồng); Trần Ngọc L 6.605.479,45 đồng (sáu triệu sáu trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín phẩy bốn lăm đồng); Trần Văn T 1.226.712,33 đồng (một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba ba đồng); Lê Văn Q 15.534.246,58 đồng (mười lăm triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu phẩy năm tám đồng); Đoàn Công Q 5.342.465,75 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm phẩy bảy lăm đồng).

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã vay chưa thanh toán cho bị cáo Phan Thanh Thành cụ thể là: Anh Trần Tuấn A phải nộp 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng); Anh Trần Hữu L 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng); Chị Dương Thị T phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng); Anh Đào Hữu L phải nộp số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng); Anh Đoàn Công Q phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Anh Trương Văn S phải nộp số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng); Anh Phan Văn P phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Chị Phạm Thị Hoài T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Chị Nguyễn Thị G phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Chị Võ Thanh V phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Anh Trần Văn T phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Anh Lê Văn Q phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Chị Võ Thị H phải nộp số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); Chị Hoàng Thị H phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Anh Đào Hữu Đ phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Chị Trương Thị H phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Anh Phạm Hồng T (T Đen) phải nộp số tiền 58.500.000 đồng (năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng); Anh Bùi Văn Q phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

5. Về vật chứng: Tịch thu tài liệu, chứng cứ lưu vào hồ sơ vụ án, gồm: 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 24/11/2022, tên người mượn tiền Dương Công Á, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); 01(một) giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2023, tên người mượn tiền Dương Thị T, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 08/8/2023, tên người mượn tiền Hoàng Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 03/8/2023, tên người mượn tiền Võ Thị H, số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

6. Về án phí: Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/7/2024); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS;
- Người TGTT khác;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Phan Văn Việt	**Võ Xuân Toàn**	**Nguyễn Văn Châu**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Việt **Võ Xuân Toàn** **Nguyễn Văn Châu**